

Số: 28 /CBTT-TTR

Thái Nguyên, ngày 18 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY CỔ
PHẦN CÁN
THÉP THÁI
TRUNG

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN
CÁN THÉP THÁI TRUNG
DN: C=VN, S=THÁI NGUYÊN, L=Thành
phố Thái Nguyên, CN=CÔNG TY CỔ
PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=
MST:4600451322
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2025.03.18 14:20:38+07'00'
Foxit PDF Editor Version: 12.1.1

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội,

Thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung thực hiện công bố thông tin Báo cáo tài chính năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

- Mã chứng khoán: TTS
- Địa chỉ: tổ 13, phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
- Điện thoại liên hệ: 02083735690 ; Fax: 02083735716
- Email: thukythaitrung@gmail.com Website: www.ttr.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính năm 2024

Báo cáo tài chính riêng (Tổ chức niêm yết không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

Báo cáo tài chính hợp nhất (Tổ chức niêm yết có công ty con);

Báo cáo tài chính tổng hợp (Tổ chức niêm yết có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính (đối với Báo cáo tài chính được kiểm toán năm):

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2023):

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày: 18/03/2025 tại đường dẫn: www.ttr.com.vn.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính năm 2024;
- Giải trình liên quan đến BCTC năm 2024.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT; TK.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN



Bùi Cao Sơn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

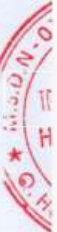
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024
(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-31
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-31
Phụ lục 01: Thông tin về các khoản vay ngắn hạn	29-30
Phụ lục 02: Thông tin về các khoản vay dài hạn	31



CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4600451322 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 29 tháng 08 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 24 tháng 08 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Danh Sơn	Chủ tịch
Ông Trần Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Lợi	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Lợi	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đỗ Thùy Hương	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Giang	Thành viên
Bà Trần Nguyệt Anh	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính này là Ông Trần Tuấn – Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

10/1
CỔ
CHN
ANG
A
4/1

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trần Tuấn

Tổng Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 18 tháng 03 năm 2025

Số: 180325.002/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung được lập ngày 18 tháng 03 năm 2025, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại thời điểm 31/12/2024, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn 374,31 tỷ VND, lỗ lũy kế 202,04 tỷ VND tương ứng 39,77% vốn góp của chủ sở hữu. Sự kiện này cùng với các vấn đề được nêu ở thuyết minh số 01 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 vẫn được trình bày dựa trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần nêu trên của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Lê Công Thắng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 4422-2024-002-1

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNGPhường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên,
tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		608.360.900.973	452.397.735.988
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	916.829.794	6.636.203.371
111	1. Tiền		916.829.794	6.636.203.371
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		572.548.447.612	357.622.314.430
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	571.589.187.601	357.106.153.445
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	868.764.958	403.050.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	264.776.006	287.391.938
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(174.280.953)	(174.280.953)
140	IV. Hàng tồn kho	8	32.483.062.090	86.148.462.183
141	1. Hàng tồn kho		32.483.062.090	86.148.462.183
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.412.561.477	1.990.756.004
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	2.412.561.477	1.990.756.004
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		680.272.184.215	741.071.732.640
220	II. Tài sản cố định		656.804.056.996	717.198.522.464
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	656.804.056.996	717.198.522.464
222	- Nguyên giá		1.258.722.041.923	1.258.722.041.923
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(601.917.984.927)	(541.523.519.459)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	-	-
228	- Nguyên giá		246.000.000	246.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(246.000.000)	(246.000.000)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		23.468.127.219	23.873.210.176
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	23.468.127.219	23.873.210.176
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.288.633.085.188	1.193.469.468.628

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNGPhường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên,
tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁNTại ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		982.672.462.409	898.731.615.186
310	I. Nợ ngắn hạn		982.672.462.409	816.508.328.129
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	633.363.944.168	476.440.824.208
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	12.037.842.139	5.116.125.835
314	3. Phải trả người lao động		6.517.088.305	8.263.070.369
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	293.013.611	509.726.090
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	15	244.640.919	3.270.153.155
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	330.215.933.267	322.908.428.472
330	II. Nợ dài hạn		-	82.223.287.057
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16	-	82.223.287.057
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		305.960.622.779	294.737.853.442
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	305.960.622.779	294.737.853.442
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		508.000.001.467	508.000.001.467
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		508.000.001.467	508.000.001.467
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(202.039.378.688)	(213.262.148.025)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(213.262.148.025)	(216.209.341.558)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		11.222.769.337	2.947.193.533
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.288.633.085.188	1.193.469.468.628

Nguyễn Thị Huệ
Người lậpNguyễn Thị Hoa Mai
Kế toán trưởngTrần Tuấn
Tổng Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 18 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNGPhường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên,
tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	5.338.111.610.218	4.171.627.011.050
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		5.338.111.610.218	4.171.627.011.050
11	4. Giá vốn hàng bán	20	5.282.157.246.006	4.112.181.167.196
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		55.954.364.212	59.445.843.854
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	3.143.396	3.456.670
22	7. Chi phí tài chính	22	31.404.737.672	39.452.540.306
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		31.338.696.462	39.307.542.695
25	8. Chi phí bán hàng	23	229.270.503	184.980.834
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	11.842.576.526	11.035.568.129
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		12.480.922.907	8.776.211.255
31	11. Thu nhập khác	25	1.617.305.426	623.279.517
32	12. Chi phí khác	26	28.783.403	3.098.567.757
40	13. Lợi nhuận khác		1.588.522.023	(2.475.288.240)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		14.069.444.930	6.300.923.015
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	2.846.675.593	3.353.729.482
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		11.222.769.337	2.947.193.533
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	221	58


Nguyễn Thị Huệ
Người lập


Nguyễn Thị Hoa Mai
Kế toán trưởngTrần Tuấn
Tổng Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 18 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên,
tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		14.069.444.930	6.300.923.015
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		60.394.465.468	48.341.742.605
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(3.143.396)	(3.456.670)
06	- Chi phí lãi vay		31.338.696.462	39.307.542.695
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		105.799.463.464	93.946.751.645
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(214.926.133.182)	120.975.336.838
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		53.665.400.093	(48.688.393.714)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		162.659.212.695	(93.912.952.213)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(16.722.516)	3.291.967.760
14	- Tiền lãi vay đã trả		(34.634.225.783)	(39.265.438.149)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.353.729.482)	(1.434.598.091)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		69.193.265.289	34.912.674.076
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
27	1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.143.396	3.456.670
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		3.143.396	3.456.670
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		676.619.950.913	602.608.297.624
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(751.535.733.175)	(635.321.016.302)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(74.915.782.262)	(32.712.718.678)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(5.719.373.577)	2.203.412.068
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		6.636.203.371	4.432.791.303
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	916.829.794	6.636.203.371

Nguyễn Thị Huệ

Nguyễn Thị Huệ
Người lập

Nguyễn Thị Hoa Mai

Nguyễn Thị Hoa Mai
Kế toán trưởng



Trần Tuấn
Trần Tuấn
Tổng Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 18 tháng 03 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4600451322 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 29 tháng 08 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 24 tháng 08 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 508.000.001.467 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 508.000.001.467 VND; tương đương 50.800.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 249 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 252 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất sắt, thép.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Tại thời điểm 31/12/2024, lỗ lũy kế của Công ty là 202,04 tỷ VND. Đồng thời, nợ phải trả lớn gấp 3,21 lần vốn chủ sở hữu và nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền là 374,31 tỷ VND. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Theo đó, khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào khả năng sinh lời từ hoạt động kinh doanh của Công ty trong tương lai và/ hoặc khả năng thu xếp tài chính từ các bên khác của Công ty.

Công ty hiện đang có khách hàng truyền thống mua hàng với khối lượng lớn là Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên. Đây cũng là bên cung cấp nguyên liệu chính cho Công ty với thời gian thanh toán phù hợp để giảm áp lực về nhu cầu vốn lưu động mua nguyên vật liệu. Việc được hỗ trợ nguồn đầu vào và bao tiêu nguồn đầu ra kể trên đã làm cho kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty những năm gần đây đều có lãi, khoản lỗ lũy kế đã giảm từ 213,26 tỷ VND tại ngày 01/01/2024 xuống còn 202,04 tỷ VND tại ngày 31/12/2024. Đồng thời, hàng năm Công ty đều được Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam cấp hạn mức tín dụng, đảm bảo cho Công ty có đủ nguồn vốn lưu động để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trên cơ sở này, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là hoàn toàn phù hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên,
tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Đối với máy móc thiết bị trực tiếp liên quan đến sản xuất sản phẩm: Công ty áp dụng phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm kể từ ngày 01/01/2015 căn cứ vào công văn số 19139/BTC-TCDN ngày 23 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính về phương pháp khấu hao của Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung.

Ngoại trừ Máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất được trích theo phương pháp sản lượng (bao gồm: hệ thống dây chuyền thép cán, hệ thống cầu trục,...), khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị (Bao gồm: các loại máy phay, máy tiện, cân điện tử,...)	05 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.9 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 tháng đến 36 tháng.
- Các khoản chi phí vật liệu phụ phục vụ sản xuất được phân bổ căn cứ trên cơ sở định mức tiêu hao kinh tế kỹ thuật.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.12 . Các khoản vay

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

2.13 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.16 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên,
tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.18 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí đi vay vốn, lãi chậm thanh toán ... Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.20 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên,
tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

2.22 . Thông tin bộ phận

Trong kỳ, Công ty chỉ hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh thép, diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	82.921.227	23.725.965
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	833.908.567	6.612.477.406
	916.829.794	6.636.203.371

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>				
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	571.414.906.648	-	356.931.872.492	-
<i>Bên khác</i>				
Phải thu khách hàng khác	174.280.953	(174.280.953)	174.280.953	(174.280.953)
	571.589.187.601	(174.280.953)	357.106.153.445	(174.280.953)

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>				
Công ty TNHH SAIGON	-	-	348.625.200	-
Công ty CP Cơ khí Việt - Thái	766.584.000	-	-	-
Các đối tượng khác	102.180.958	-	54.424.800	-
	868.764.958	-	403.050.000	-

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Chi tiết theo nội dung				
Phải thu người lao động về bảo hiểm bắt buộc	183.303.447	-	172.635.060	-
Ký cược, ký quỹ	60.000.000	-	60.000.000	-
Thỏa ước lao động tập thể	-	-	37.787.726	-
Phải thu khác	21.472.559	-	16.969.152	-
	264.776.006	-	287.391.938	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNGPhường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên,
tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC (tiếp)

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
b) Chi tiết theo đối tượng				
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	60.000.000	-	60.000.000	-
Phạm Ngọc Sơn	21.269.231	-	-	-
Phải thu khác	183.506.775	-	227.391.938	-
	264.776.006	-	287.391.938	-
Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan				
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	60.000.000	-	60.000.000	-
	60.000.000	-	60.000.000	-

7 . NỢ XẤU

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty CP Sản xuất thép kết cấu và Xây dựng Thành Trung	136.505.633	-	136.505.633	-
- Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Việt Thắng	37.775.320	-	37.775.320	-
	174.280.953	-	174.280.953	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	31.456.270.234	-	85.365.107.948	-
Công cụ, dụng cụ	1.026.791.856	-	783.354.235	-
	32.483.062.090	-	86.148.462.183	-

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	164.411.326.048	896.812.978.606	197.305.440.949	192.296.320	1.258.722.041.923
Số dư cuối năm	164.411.326.048	896.812.978.606	197.305.440.949	192.296.320	1.258.722.041.923
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	66.153.710.758	405.642.153.208	69.555.242.194	172.413.299	541.523.519.459
- Khấu hao trong năm	6.974.493.384	44.296.696.466	9.114.955.622	8.319.996	60.394.465.468
Số dư cuối năm	73.128.204.142	449.938.849.674	78.670.197.816	180.733.295	601.917.984.927
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	98.257.615.290	491.170.825.398	127.750.198.755	19.883.021	717.198.522.464
Tại ngày cuối năm	91.283.121.906	446.874.128.932	118.635.243.133	11.563.025	656.804.056.996

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 656.166.277.662 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 21.334.385.526 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên,
tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Toàn bộ tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính đã hết khấu hao từ năm 2023 với nguyên giá và khấu hao lũy kế tại thời điểm 31/12/2024 lần lượt là 246.000.000 VND.

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Phụ tùng thay thế, vật tư sửa chữa và công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	1.940.312.507	1.569.666.667
Chi phí mua bảo hiểm	424.082.302	404.355.998
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	48.166.668	16.733.339
	2.412.561.477	1.990.756.004
b) Dài hạn		
Phụ tùng thay thế, vật tư sửa chữa xuất dùng chờ phân bổ	5.389.217.735	8.121.233.630
Vật liệu phụ phục vụ sản xuất (*)	17.428.225.551	15.529.109.550
Chi phí sửa chữa	393.259.098	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	257.424.835	222.866.996
	23.468.127.219	23.873.210.176

(*) Vật liệu phụ phục vụ sản xuất là các phụ kiện phục vụ cán thép như trục cán, con lăn, lưỡi dao cắt ... có thời gian phân bổ trên 12 tháng.

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	584.392.961.915	584.392.961.915	457.044.022.340	457.044.022.340
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	584.392.961.915	584.392.961.915	457.044.022.340	457.044.022.340
Bên khác	48.970.982.253	48.970.982.253	19.396.801.868	19.396.801.868
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ xăng dầu Đình Vũ	28.993.135.077	28.993.135.077	7.795.825.857	7.795.825.857
Phải trả nhà cung cấp khác	19.977.847.176	19.977.847.176	11.600.976.011	11.600.976.011
	633.363.944.168	633.363.944.168	476.440.824.208	476.440.824.208

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Bù trừ tiền thuế đất được giảm năm 2023	Bù trừ tiền thu quá sau quyết toán	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	1.762.396.353	22.110.926.105	14.682.155.912	-	-	-	9.191.166.546
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	3.353.729.482	2.846.675.593	3.353.729.482	-	-	-	2.846.675.593
Thuế Thu nhập cá nhân	-	-	104.949.553	104.414.719	-	534.834	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	392.738.412	318.010.895	74.727.517	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-	-	-
	-	5.116.125.835	25.458.289.663	18.461.311.008	74.727.517	534.834	-	12.037.842.139

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	293.013.611	487.140.394
- Chi phí phải trả khác	-	22.585.696
	293.013.611	509.726.090

15 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	104.099.334	98.236.064
- Phải trả lãi vay	-	3.101.402.538
+ <i>Lãi chậm thanh toán của Hợp tác xã vận tải Ô tô Tân Phú</i>	-	3.101.402.538
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	140.541.585	70.514.553
	244.640.919	3.270.153.155

16 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2024		Trong năm		31/12/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	243.408.428.472	243.408.428.472	676.619.950.913	672.035.733.175	247.992.646.210	247.992.646.210
- Vay ngắn hạn Ngân hàng	243.408.428.472	243.408.428.472	676.619.950.913	672.035.733.175	247.992.646.210	247.992.646.210
- Vay ngắn hạn Ngân hàng...	-	-	-	-	-	-
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	79.500.000.000	79.500.000.000	82.223.287.057	79.500.000.000	82.223.287.057	82.223.287.057
- Nợ dài hạn đến hạn trả	79.500.000.000	79.500.000.000	82.223.287.057	79.500.000.000	82.223.287.057	82.223.287.057
- Nợ dài hạn đến hạn trả ...	-	-	-	-	-	-
	322.908.428.472	322.908.428.472	758.843.237.970	751.535.733.175	330.215.933.267	330.215.933.267
b) Vay dài hạn						
- Vay dài hạn	161.723.287.057	161.723.287.057	-	79.500.000.000	82.223.287.057	82.223.287.057
- Trái phiếu thường	-	-	-	-	-	-
- Nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
	161.723.287.057	161.723.287.057	-	79.500.000.000	82.223.287.057	82.223.287.057
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(79.500.000.000)	(79.500.000.000)	(82.223.287.057)	(79.500.000.000)	(82.223.287.057)	(82.223.287.057)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	82.223.287.057	82.223.287.057			-	-

Thông tin các hợp đồng vay (Chi tiết tại Phụ lục 01 và Phụ lục 02)

CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên,
tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	508.000.001.467	(216.209.341.558)	291.790.659.909
Lãi trong năm trước	-	2.947.193.533	2.947.193.533
Số dư cuối năm trước	508.000.001.467	(213.262.148.025)	294.737.853.442
Số dư đầu năm nay	508.000.001.467	(213.262.148.025)	294.737.853.442
Lãi trong năm nay	-	11.222.769.337	11.222.769.337
Số dư cuối năm nay	508.000.001.467	(202.039.378.688)	305.960.622.779

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	93,68	475.876.533.387	93,68	475.876.533.387
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Nam	4,77	24.208.538.080	4,77	24.208.538.080
Các cổ đông khác	1,55	7.914.930.000	1,55	7.914.930.000
	100,00	508.000.001.467	100,00	508.000.001.467

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	508.000.001.467	508.000.001.467
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	508.000.001.467	508.000.001.467
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	508.000.001.467	508.000.001.467

d) Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.800.000	50.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	50.800.000	50.800.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	50.800.000	50.800.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.800.000	50.800.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	50.800.000	50.800.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

18 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Thái Nguyên tại phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên để sử dụng với mục đích làm cơ sở sản xuất, kinh doanh. Thời hạn thuê đất là 49 năm, từ năm 2008 đến năm 2057. Diện tích khu đất thuê là: 53.133,9 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm theo quy định hiện hành của Nhà nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNGPhường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên,
tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

b) Tài sản nhận giữ hộ	31/12/2024	01/01/2024
- Phôi nhận gửi (tấn)	58.043,347	15.345,534
- Thép nhận gửi (tấn)	19.637,614	9.076,515
19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	5.338.111.610.218	4.171.627.011.050
	5.338.111.610.218	4.171.627.011.050
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)	5.283.850.198.551	4.101.508.044.920
20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	5.282.157.246.006	4.112.181.167.196
	5.282.157.246.006	4.112.181.167.196
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan		
Tổng giá trị mua vào: (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)	4.864.680.165.105	3.870.423.258.650
21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	3.143.396	3.456.670
	3.143.396	3.456.670
22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền vay	31.338.696.462	39.307.542.695
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	66.041.210	144.997.611
	31.404.737.672	39.452.540.306

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNGPhường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên,
tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**23 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.542.023	7.707.544
Chi phí dịch vụ mua ngoài	152.618.700	118.563.100
Chi phí khác bằng tiền	66.109.780	58.710.190
	229.270.503	184.980.834

24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	540.121.804	637.859.423
Chi phí nhân công	4.676.485.719	4.258.100.285
Chi phí khấu hao tài sản cố định	830.497.944	850.089.509
Thuế, phí, lệ phí	395.738.412	259.609.360
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.838.914.226	1.701.595.274
Chi phí khác bằng tiền	3.560.818.421	3.328.314.278
	11.842.576.526	11.035.568.129

25 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tiền thuê đất được giảm 30% theo quy định	74.727.517	74.727.517
Thu nhập từ thu hồi thép phế	1.456.477.500	525.552.000
Thu nhập khác	86.100.409	23.000.000
	1.617.305.426	623.279.517

26 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Các khoản bị phạt	449.403	250.337
Chi phí trong thời gian ngừng sản xuất	-	3.091.927.420
Chi phí khác	28.334.000	6.390.000
	28.783.403	3.098.567.757

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên,
tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.069.444.930	6.300.923.015
Các khoản điều chỉnh tăng	163.933.037	10.467.724.397
- Chi phí không hợp lệ	163.933.037	10.467.724.397
Thu nhập chịu thuế TNDN	14.233.377.967	16.768.647.412
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	2.846.675.593	3.353.729.482
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	3.353.729.482	1.434.598.091
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(3.353.729.482)	(1.434.598.091)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	2.846.675.593	3.353.729.482

Phần chi phí lãi vay không được trừ theo quy định tại Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 của Bộ Tài chính được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Số chi phí lãi vay thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong Báo cáo tài chính. Chi phí lãi vay vượt quá 30% EBITDA theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 của Bộ Tài chính ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của Công ty như sau:

Năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Chi phí lãi vay vượt quá 30% EBITDA không được trừ các năm	Chi phí lãi vay không được trừ đã sử dụng	Chi phí lãi vay không được trừ còn được chuyển sang các năm tính thuế sau
		VND	VND	VND
2020	Chưa thanh tra	13.825.034.963	-	13.825.034.963
2021	Chưa thanh tra	10.720.497.561	-	10.720.497.561
2022	Chưa thanh tra	8.842.221.762	-	8.842.221.762
2023	Chưa thanh tra	10.377.474.060	-	10.377.474.060
2024	Chưa thanh tra	72.270.634	-	72.270.634

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá khả năng Công ty được kết chuyển các khoản chi phí lãi vay không được trừ này sang các năm tiếp theo là chưa chắc chắn. Do đó, không có tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào liên quan đến các khoản này được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán năm nay.

28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	11.222.769.337	2.947.193.533
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	11.222.769.337	2.947.193.533
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	50.800.000	50.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	221	58

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên,
tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.171.553.727.241	4.021.438.545.309
Chi phí nhân công	33.074.714.325	28.988.067.831
Chi phí khấu hao tài sản cố định	60.394.465.468	47.689.253.955
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.615.421.503	15.840.574.953
Chi phí khác bằng tiền	10.590.764.498	9.445.274.111
	<u>5.294.229.093.035</u>	<u>4.123.401.716.159</u>

30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2024				
Tiền	833.908.567	-	-	833.908.567
Phải thu khách hàng, phải thu khác	571.679.682.654	-	-	571.679.682.654
	<u>572.513.591.221</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>572.513.591.221</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên,
tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2024				
Tiền	6.612.477.406	-	-	6.612.477.406
Phải thu khách hàng, phải thu khác	357.219.264.430	-	-	357.219.264.430
	363.831.741.836	-	-	363.831.741.836

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2024				
Vay và nợ	330.215.933.267	-	-	330.215.933.267
Phải trả người bán, phải trả khác	633.608.585.087	-	-	633.608.585.087
Chi phí phải trả	293.013.611	-	-	293.013.611
	964.117.531.965	-	-	964.117.531.965
Tại ngày 01/01/2024				
Vay và nợ	322.908.428.472	82.223.287.057	-	405.131.715.529
Phải trả người bán, phải trả khác	479.710.977.363	-	-	479.710.977.363
Chi phí phải trả	509.726.090	-	-	509.726.090
	803.129.131.925	82.223.287.057	-	885.352.418.982

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên,
tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

32 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
Doanh thu		5.283.850.198.551	4.101.508.044.920
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Công ty mẹ	5.283.850.198.551	4.101.508.044.920
Mua hàng		4.864.680.165.105	3.870.423.258.650
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Công ty mẹ	4.864.680.165.105	3.870.423.258.650

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt			
Ông Hoàng Danh Sơn	Chủ tịch HĐQT	76.500.000	63.700.000
Ông Trần Tuấn	Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc	428.562.122	387.365.047
Ông Nguyễn Đức Lợi	Ủy viên HĐQT, P. Tổng Giám đốc	350.310.593	323.127.668
Bà Đỗ Thùy Hương	Trưởng Ban kiểm soát	286.075.050	260.130.088
Ông Nguyễn Văn Giang	Thành viên BKS (Bổ nhiệm 28/04/2023)	308.938.186	149.562.159
Bà Trần Nguyệt Anh	Thành viên Ban kiểm soát	18.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Xuân Lâm	Thành viên BKS (Miễn nhiệm 28/04/2023)	-	107.005.073

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

33 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Nguyễn Thị Huệ
Người lập

Nguyễn Thị Hoa Mai
Kế toán trưởng



Trần Tuấn
Tổng Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 18 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

PHỤ LỤC 01 : THÔNG TIN VỀ CÁC KHOẢN VAY NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

STT	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Lãi suất (năm)	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2024	Mục đích vay	Phương thức bảo đảm
	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên						
1	Hợp đồng vay ngắn hạn số 58.01/2024/2573181/HĐTD	06/09/2024	7,0%	5 tháng	4.630.993.311	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
2	Hợp đồng vay ngắn hạn số 59.01/2024/2573181/HĐTD	09/09/2024	7,0%	5 tháng	30.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
3	Hợp đồng vay ngắn hạn số 60.01/2024/2573181/HĐTD	10/09/2024	7,0%	5 tháng	7.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
4	Hợp đồng vay ngắn hạn số 61.01/2024/2573181/HĐTD	11/09/2024	7,0%	5 tháng	9.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
5	Hợp đồng vay ngắn hạn số 62.01/2024/2573181/HĐTD	13/09/2024	7,0%	5 tháng	12.114.972.752	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
6	Hợp đồng vay ngắn hạn số 63.01/2024/2573181/HĐTD	16/09/2024	7,0%	5 tháng	4.121.196.964	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
7	Hợp đồng vay ngắn hạn số 64.01/2024/2573181/HĐTD	20/09/2024	7,0%	5 tháng	60.043.790.860	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
8	Hợp đồng vay ngắn hạn số 65.01/2024/2573181/HĐTD	25/09/2024	7,0%	5 tháng	2.652.141.766	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
9	Hợp đồng vay ngắn hạn số 66.01/2024/2573181/HĐTD	01/10/2024	7,0%	5 tháng	9.622.247.857	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
10	Hợp đồng vay ngắn hạn số 67.01/2024/2573181/HĐTD	02/10/2024	7,0%	5 tháng	3.255.835.172	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
11	Hợp đồng vay ngắn hạn số 68.01/2024/2573181/HĐTD	04/10/2024	7,0%	5 tháng	2.845.095.379	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
12	Hợp đồng vay ngắn hạn số 69.01/2024/2573181/HĐTD	09/10/2024	7,0%	5 tháng	2.435.655.569	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
13	Hợp đồng vay ngắn hạn số 70.01/2024/2573181/HĐTD	10/10/2024	7,0%	5 tháng	22.678.544.129	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
14	Hợp đồng vay ngắn hạn số 71.01/2024/2573181/HĐTD	11/10/2024	7,0%	5 tháng	22.307.843.450	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

PHỤ LỤC 01 : THÔNG TIN VỀ CÁC KHOẢN VAY NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

STT	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Lãi suất (năm)	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2024	Mục đích vay	Phương thức bảo đảm
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên							
15	Hợp đồng vay ngắn hạn số 72.01/2024/2573181/HĐTD	14/10/2024	7,0%	5 tháng	2.667.531.525	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
16	Hợp đồng vay ngắn hạn số 73.01/2024/2573181/HĐTD	15/10/2024	7,0%	5 tháng	3.894.347.283	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
17	Hợp đồng vay ngắn hạn số 74.01/2024/2573181/HĐTD	21/10/2024	7,0%	5 tháng	2.798.868.063	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
18	Hợp đồng vay ngắn hạn số 75.01/2024/2573181/HĐTD	22/10/2024	7,0%	5 tháng	1.920.128.003	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
19	Hợp đồng vay ngắn hạn số 76.01/2024/2573181/HĐTD	24/10/2024	7,0%	5 tháng	1.187.327.106	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
20	Hợp đồng vay ngắn hạn số 77.01/2024/2573181/HĐTD	30/10/2024	7,0%	5 tháng	4.936.652.222	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
21	Hợp đồng vay ngắn hạn số 78.01/2024/2573181/HĐTD	07/11/2024	7,0%	5 tháng	2.162.907.551	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
22	Hợp đồng vay ngắn hạn số 79.01/2024/2573181/HĐTD	11/11/2024	7,0%	5 tháng	311.949.633	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
23	Hợp đồng vay ngắn hạn số 80.01/2024/2573181/HĐTD	12/11/2024	7,0%	5 tháng	24.500.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
24	Hợp đồng vay ngắn hạn số 81.01/2024/2573181/HĐTD	14/11/2024	7,0%	5 tháng	2.973.611.926	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
25	Hợp đồng vay ngắn hạn số 82.01/2024/2573181/HĐTD	18/11/2024	7,0%	5 tháng	2.796.757.737	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
26	Hợp đồng vay ngắn hạn số 83.01/2024/2573181/HĐTD	22/11/2024	7,0%	5 tháng	4.095.628.719	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
27	Hợp đồng vay ngắn hạn số 84.01/2024/2573181/HĐTD	28/11/2024	7,0%	5 tháng	1.038.619.233	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
Tổng cộng					247.992.646.210		

Tổng hạn mức các hợp đồng tín dụng nêu trên là 250.000.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

PHỤ LỤC 2 : THÔNG TIN VỀ CÁC KHOẢN VAY DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

Ngân hàng - Số hợp đồng	Mục đích khoản vay	Thời hạn (tháng)	Lãi suất (năm)	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2024	Số dư đến hạn trả trong 12 tháng	Phương thức bảo đảm (*)
Ngân hàng TMCP BIDV - Chi nhánh Thái Nguyên				35.884.779.665	35.884.779.665	
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009; Văn bản số 01/2017/2573181/HĐTD ngày 01/4/2017	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	192	9,00%	35.884.779.665	35.884.779.665	Tài sản thế chấp
Ngân hàng TMCP BIDV - Chi nhánh Tuyên Quang				16.188.673.105	16.188.673.105	
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009; Văn bản số 01/2017/2573181/HĐTD ngày 01/4/2017	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	192	9,00%	16.188.673.105	16.188.673.105	Tài sản thế chấp
Ngân hàng TMCP BIDV - Chi nhánh Đông Đô (HN)				10.786.967.555	10.786.967.555	
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009; Văn bản số 01/2017/2573181/HĐTD ngày 01/4/2017	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	192	9,00%	10.786.967.555	10.786.967.555	Tài sản thế chấp
Ngân Hàng NN&PT Nông thôn CN Thái Nguyên				8.575.899.178	8.575.899.178	
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009; Văn bản số 01/2017/2573181/HĐTD ngày 01/4/2017	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	192	9,00%	8.575.899.178	8.575.899.178	Tài sản thế chấp
Ngân hàng TMCP Công thương - CN Lưu xá (TN)				5.393.483.777	5.393.483.777	
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009; Văn bản số 01/2017/2573181/HĐTD ngày 01/4/2017	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	192	9,00%	5.393.483.777	5.393.483.777	Tài sản thế chấp
Ngân hàng TMCP Công thương - CN Thái Nguyên				5.393.483.777	5.393.483.777	
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009; Văn bản số 01/2017/2573181/HĐTD ngày 01/4/2017	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	192	9,00%	5.393.483.777	5.393.483.777	Tài sản thế chấp
				82.223.287.057	82.223.287.057	

(*): Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.



CTCP GANG THÉP THÁI NGUYÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN
CÁN THÉP THÁI TRUNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 27 /CV-TTR

Thái Nguyên, ngày 18 tháng 03 năm 2025

V/v: Giải trình chênh lệch kết quả kinh doanh
năm 2024 so với năm 2023

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà Nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội,

Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty CP Cán thép Thái Trung (mã chứng khoán TTS), Công ty xin giải trình nguyên nhân dẫn đến chênh lệch lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 so với năm 2023 như sau:

1. Năm 2024, Công ty sản xuất và tiêu thụ 406.888 tấn thép các loại vượt 36,8% tương ứng tăng 109.402 tấn so với cùng kỳ năm 2023. Tuy nhiên do giá bán thép giảm 6,4% dẫn đến doanh thu bán hàng chỉ tăng 27,9% so với cùng kỳ năm trước.

2. Năm 2024, giá bán thép giảm 6,4%, giá nguyên vật liệu chính là phôi thép giảm 4,6% nhưng giá dầu FO tăng 7,8% và giá điện bình quân tăng 5,8%; đồng thời sản lượng tiêu thụ tăng cao làm tổng chi phí tăng 1.170 tỷ đồng tương ứng với tăng 28,5% khiến cho lợi nhuận gộp của Công ty so với cùng kỳ giảm 3,5 tỷ đồng.

3. Năm 2024, Chi phí tài chính giảm 8,05 tỷ đồng tương ứng với giảm 20,4% là do lãi suất vay ngắn hạn giảm từ 8% xuống 7% đồng thời công ty đã giảm nợ dài hạn 79,5 tỷ đồng.

Theo nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 của Chính phủ, sau khi xác định lại thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp 2,85 tỷ đồng, thì lợi nhuận sau thuế năm 2024 của Công ty là: 11,22 tỷ đồng.

Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung xin giải trình với Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và xin cảm ơn sự tạo điều kiện và giúp đỡ đối với Công ty chúng tôi trong thời gian qua, mong muốn nhận được nhiều hơn nữa sự giúp đỡ và hướng dẫn trong việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, TBKS Công ty;
- Tổng Giám đốc, Phó TGD Công ty;
- www.ttr.com.vn ;
- Lưu VT, P.KTTC(8b).

TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Tuấn